

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK giảm điểm sau khi Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội cho biết Việt Nam có nguy cơ thiếu hụt lao động cục bộ ở một số vùng, một số ngành, lĩnh vực và ảnh hưởng lớn đến các doanh nghiệp khi phục hồi sản xuất

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm mạnh vào cuối phiên trong phiên đảo hạn phái sinh, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

TCB, VIB

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị nắm giữ vị thế trung hạn và các trạng thái ngắn hạn đã mở trở lại, có thể kỳ vọng vào nhịp tăng vượt đỉnh trung hạn đầu tháng 7 chừng nào vùng hỗ trợ đã đề cập vẫn phát huy tác dụng

21/10/2021

| | Chỉ số | Thay đổi (%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex | 1,384.77 | -0.65 |
| VN30 | 1,489.26 | -1.05 |
| HĐTL VN30F1M | 1,489.00 | -1.00 |
| HNXIndex | 388.45 | +0.04 |
| HNX30 | 606.97 | +0.01 |
| UPCoM | 99.77 | +0.09 |
| USD/VND | 22,754 | -0.02 |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 2.15 | -0 |
| Lãi suất qua đêm (%) | 0.64 | +8 |
| Dầu (WTI, \$) | 82.89 | -1.17 |
| Vàng (LME, \$) | 1,784.77 | +0.15 |



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,384.77 (-0.65%)
KLGD (triệu CP) 709.1 (-8.1%)
GTGD (triệu US\$) 923.5 (-11.6%)

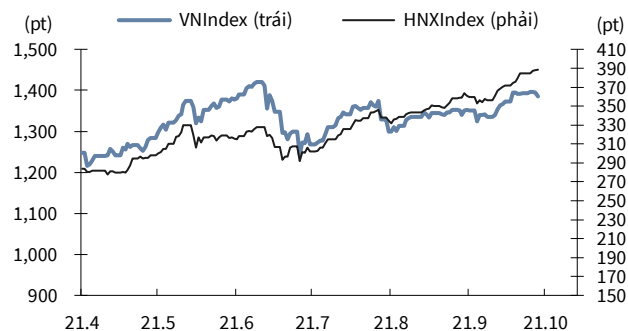
HNXIndex 388.45 (+0.04%)
KLGD (triệu CP) 119.5 (-14.3%)
GTGD (triệu US\$) 96.1 (-13.7%)

UPCoM 99.77 (+0.09%)
KLGD (triệu CP) 90.1 (-26.5%)
GTGD (triệu US\$) 70.7 (-10.7%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -35.9

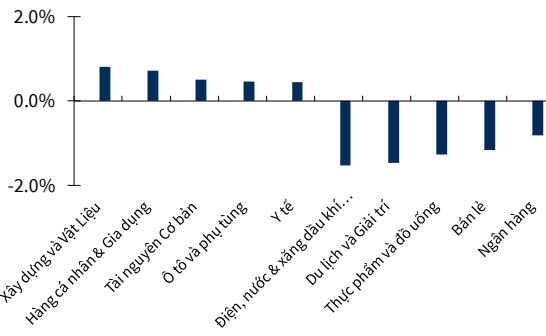
TTCK giảm điểm sau khi Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội cho biết Việt Nam có nguy cơ thiếu hụt lao động cục bộ ở một số vùng, một số ngành, lĩnh vực và ảnh hưởng lớn đến các doanh nghiệp khi phục hồi sản xuất. Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) cho biết dự trữ dầu thô của Mỹ giảm 431,000 thùng trong tuần qua khiến giá dầu thô tiếp tục đà tăng, giá cổ phiếu dầu khí tăng ở PVD (3.5%). Bộ Giao thông vận tải ban hành văn bản hướng dẫn về việc tổ chức hoạt động vận tải hàng không và cho phép tăng tần suất khai thác chuyến bay, giúp giá cổ phiếu ngành hàng không tăng ở HVN (+0.2%), ACV (+0.2%). Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết mức tiêu thụ thịt lợn giảm sút, khiến ngành chăn nuôi bị ứ đọng khoảng 30% về mặt sản lượng và dự báo từ nay đến Tết Nguyên đán giá lợn sẽ không khởi sắc, khiến cổ phiếu ngành chăn nuôi lợn giảm ở MML (-0.6%). Khối ngoại bán ròng HPG (+0.5%), NLG (+0.6%), VIC (-1.4%).

VNIndex & HNXIndex



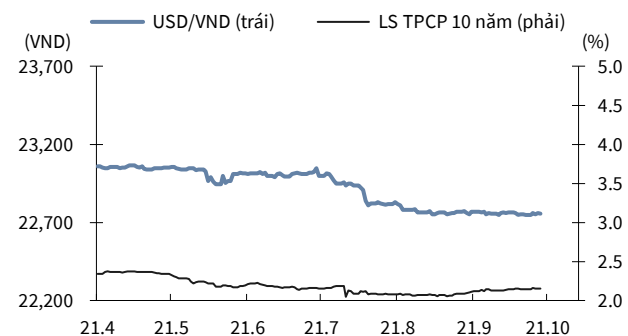
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



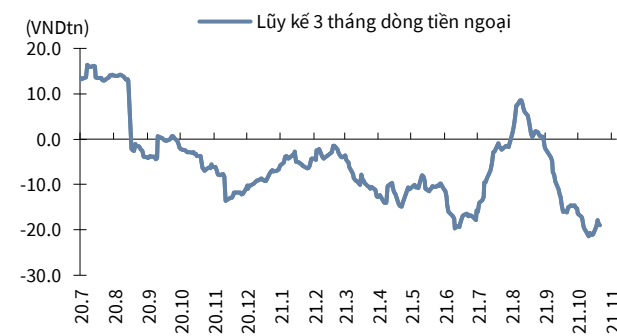
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

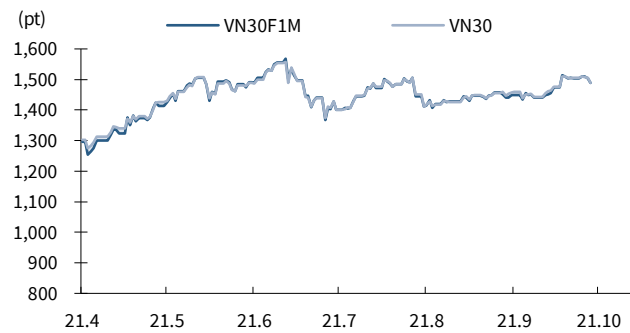
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

| | |
|------------------|--------------------------|
| VN30 | 1,489.26 (-1.05%) |
| VN30F1M | 1,489.0 (-1.00%) |
| Mở cửa | 1,507.2 |
| Cao nhất | 1,509.5 |
| Thấp nhất | 1,489.0 |

Các HĐTL giảm điểm mạnh vào cuối phiên trong phiên đảo hạn phái sinh, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2110 và chỉ số VN30 chủ yếu biến động trong biên độ dương trong phiên sang sau đó giảm co liên tục trong phiên chiều và đóng cửa ở mức -0.26 điểm. Khối ngoại mua ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường giảm nhẹ.

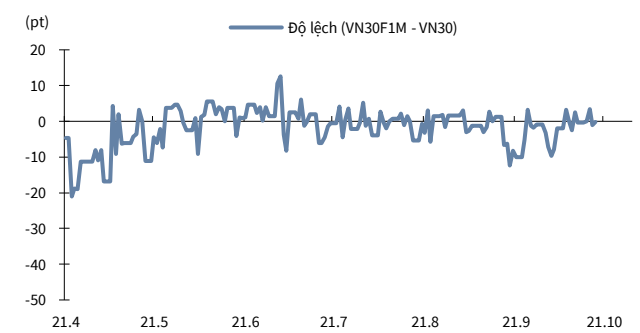
| | |
|------------------|-------------------------|
| KLGD (HĐ) | 150,687 (-13.7%) |
|------------------|-------------------------|

HĐTL VN30F1M & VN30



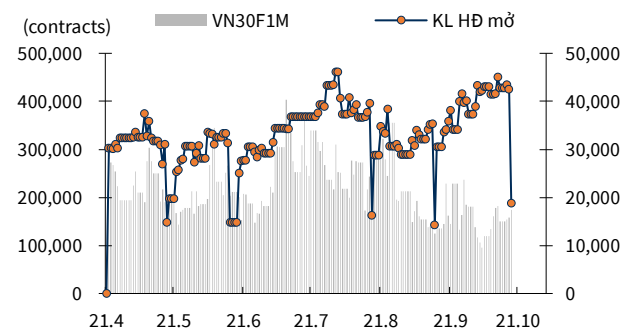
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



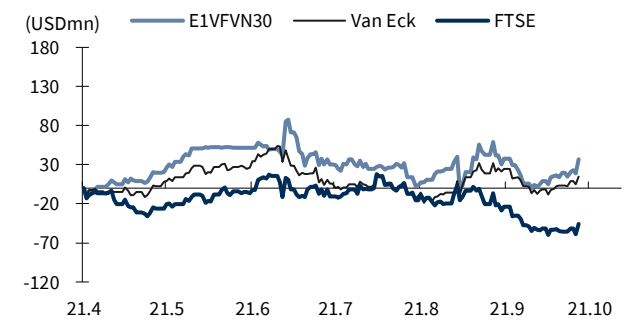
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

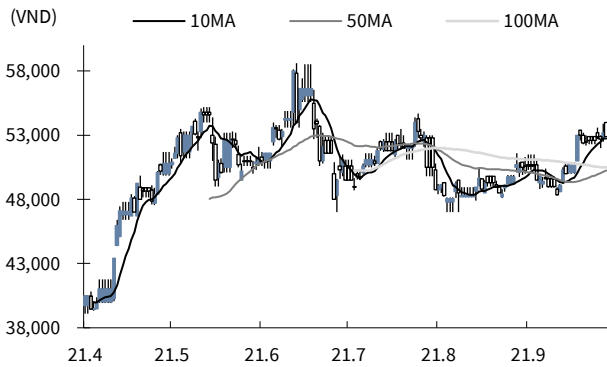
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

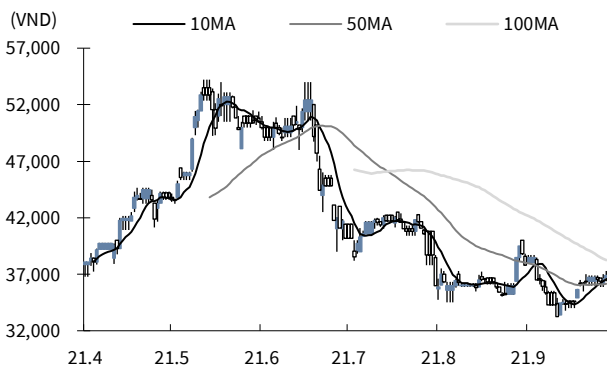
Techcombank (TCB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TCB giảm 0.6% xuống 52,900 VND/cp
- Techcombank thông báo lợi nhuận quý III đạt 5,562 tỷ đồng (+40%, YoY), cụ thể thu nhập lãi thuần 6,742 tỷ đồng (+31% YoY), thu nhập thuần từ dịch vụ đạt 1.497 tỷ đồng (+ 21.2% YoY).
- Nợ xấu 9 tháng tăng lên 1.828 tỷ đồng (+41% YTD), nâng tỷ trọng trong cơ cấu dư nợ từ 0.47% lên 0.57% và tỷ lệ bao phủ nợ xấu tăng 170% cuối năm trước lên 184%.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIB tăng 0.8% lên 36,900 VND/cp
- VIB công bố kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2021 lợi nhuận trước thuế đạt hơn 5,300 tỷ đồng (+32% YoY), và tổng thu nhập hoạt động trong 9 tháng đầu năm đạt hơn 10,300 tỷ đồng (+32% YoY).
- Tháng 9/2021 VIB đã ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược với Microsoft triển khai nền tảng điện toán đa đám mây (multi-cloud).

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

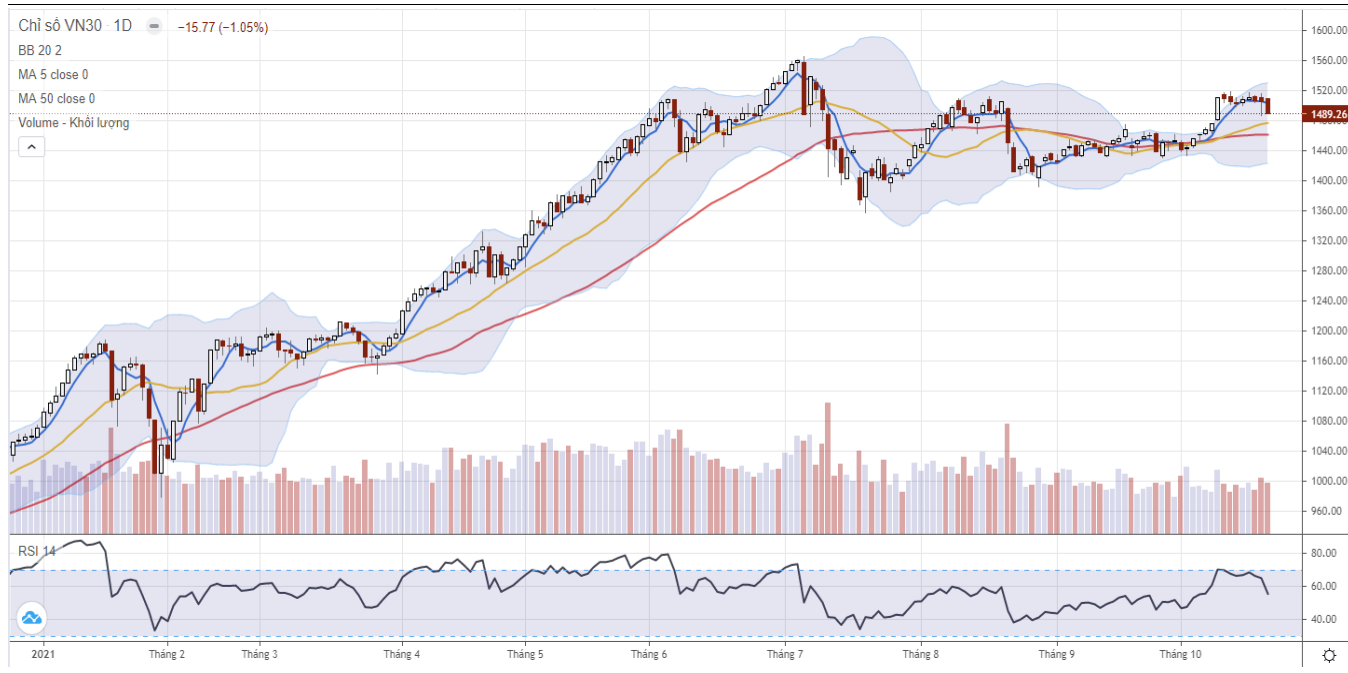
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



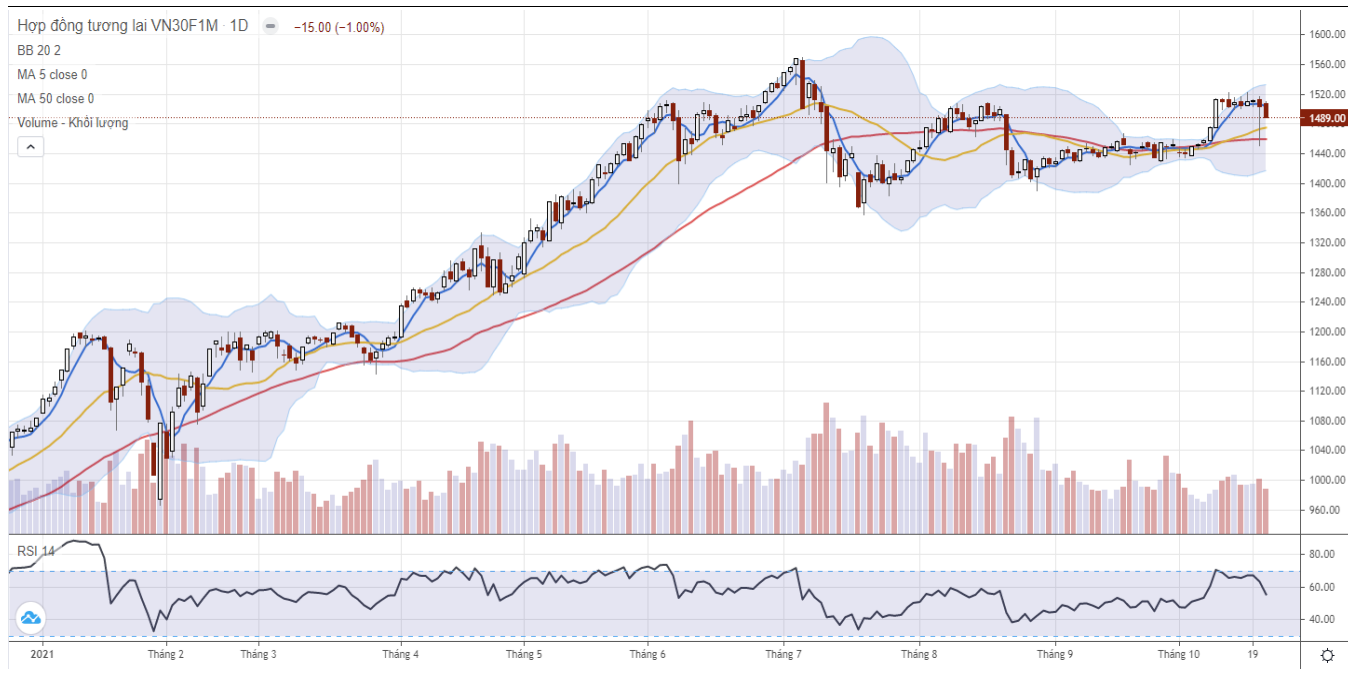
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở cửa tăng nhẹ, đảo chiều giảm điểm giảm co trong phiên trước khi lao dốc về cuối phiên.
- Việc chỉ số tiếp tục đảo chiều khi tiếp cận vùng kháng cự mạnh quanh 1400 để ngò rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh trong những phiên tới. Mặc dù vậy, sau một nhịp rơi nhanh từ đỉnh ngắn hạn, chúng tôi nghiêng về kịch bản chỉ số sẽ xuất hiện nhịp hồi phục trở lại tại vùng hỗ trợ 137x.
- NĐT được khuyến nghị nắm giữ vị thế trung hạn và các trạng thái ngắn hạn đã mở trở lại, có thể kỳ vọng vào nhịp tăng vượt đỉnh trung hạn đầu tháng 7 chừng nào vùng hỗ trợ đã đề cập vẫn phát huy tác dụng.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1502 - 1506

Kháng cự gần: 1497 - 1499

Hỗ trợ gần: 1478 - 1481

Hỗ trợ xa: 1470 - 1474

— F1 mở cửa tăng nhẹ, đảo chiều giảm điểm giảm cơ trong phiên trước khi lao dốc về cuối phiên.

— Việc chỉ số tiếp tục đảo chiều khi tiếp cận vùng kháng cự mạnh quanh 1510 để ngỏ rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh trong những phiên tới. Mặc dù vậy, sau một nhịp rơi nhanh từ đỉnh ngắn hạn, chúng tôi nghiêng về kịch bản chỉ số sẽ xuất hiện nhịp hồi phục trở lại tại vùng hỗ trợ 147x.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế LONG khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ sâu, nhưng đặt STOP chặt.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở một phần vị thế LONG khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ sâu, nhưng đặt STOP chặt

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

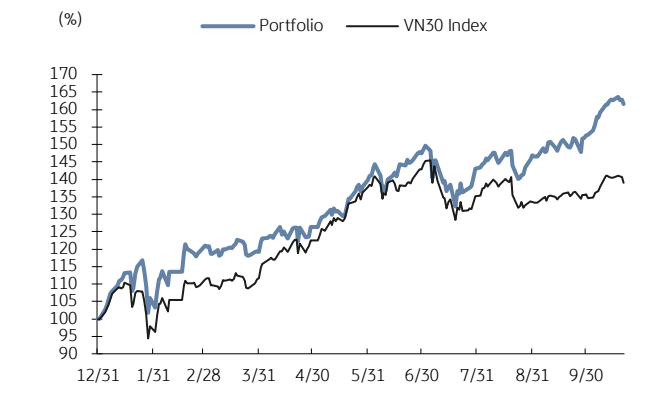
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

| | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên | -1.05% | -0.75% |
| Tăng lũy kế (YTD) | 39.08% | 61.58% |

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 21/10/2021 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|---------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|---|
| Mobile World (MWG) | 09/08/2019 | 127,000 | -1.7% | 64.4% | - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm |
| Nam Long Invest (NLG) | 03/06/2019 | 51,000 | 0.6% | 108.6% | - NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp |
| Phu Nhuận Jewelry (PNJ) | 22/03/2019 | 98,000 | -1.0% | 27.9% | - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP" |
| Military Bank (MBB) | 18/12/2018 | 27,900 | -1.1% | 121.7% | - NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ động vốn |
| Refrig Elec Eng (REE) | 11/10/2018 | 74,900 | 0.0% | 120.3% | - Mạng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn |
| FPT Corp (FPT) | 06/09/2018 | 96,700 | -0.9% | 232.2% | - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020 |
| Vietin Bank (CTG) | 01/31/2020 | 29,750 | -0.8% | 57.4% | - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh |
| PV Gas (GAS) | 11/12/2020 | 112,200 | -2.0% | 52.9% | - Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh |
| Hoa Phat Group (HPG) | 04/12/2019 | 57,200 | 0.5% | 295.2% | - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần. |
| Kinhbaco City Development (KBC) | 09/03/2020 | 42,650 | -1.0% | 211.3% | - Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|----------|--------------|-----------------------|-------------------|
| VNM | -1.0% | 54.8% | 104.4 |
| FUESSVFL | 0.6% | 96.7% | 61.4 |
| VHC | 2.2% | 24.8% | 29.0 |
| TNH | 6.8% | 8.1% | 25.1 |
| GMD | -1.0% | 40.2% | 23.8 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| HPG | 0.5% | 25.2% | -310.0 |
| NLG | 0.6% | 44.3% | -110.4 |
| VIC | -1.4% | 13.8% | -90.0 |
| SSI | -1.5% | 43.7% | -63.8 |
| VHM | -1.1% | 22.9% | -161.3 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| PVI | 1.3% | 56.3% | 2.8 |
| VCS | -1.2% | 3.7% | 1.0 |
| HMH | 0.0% | 3.5% | 1.0 |
| HHG | 9.1% | 0.6% | 0.7 |
| NBC | -3.8% | 4.6% | 0.4 |

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| TNG | 1.6% | 5.3% | -6.2 |
| MBG | -0.8% | 0.7% | -2.3 |
| PVS | -1.0% | 8.0% | -2.1 |
| THD | 0.2% | 1.6% | -1.0 |
| SHS | -1.3% | 8.0% | -0.9 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|--|--------------|--------------|
| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | | |
| Tài nguyên Cơ bản | 1.4% | HPG, NKG |
| Dịch vụ tài chính | 0.8% | BCG, VND |
| Bảo hiểm | 0.6% | MIG, BIC |
| Truyền thông | 0.6% | PNC, ADG |
| Xây dựng và Vật Liệu | 0.5% | PC1, TCD |
| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | | |
| Bán lẻ | -3.8% | MWG, ABS |
| Thực phẩm và đồ uống | -1.6% | SAB, MSN |
| Du lịch và Giải trí | -1.5% | VJC, HVN |
| Công nghệ thông tin | -1.1% | FPT, ELC |
| Ngân hàng | -0.7% | VCB, CTG |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|--|--------------|--------------|
| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | | |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 18.0% | GAS, POW |
| Tài nguyên Cơ bản | 11.7% | HPG, NKG |
| Dầu khí | 8.6% | PLX, PVD |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 6.0% | PNJ, TCM |
| Hóa chất | 5.7% | DCM, DPM |
| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | | |
| Y tế | -3.0% | DHG, TRA |
| Bán lẻ | -2.9% | MWG, DGW |
| Thực phẩm và đồ uống | -2.0% | MSN, SAB |
| Ngân hàng | -0.8% | VCB, CTG |
| Dịch vụ tài chính | -0.7% | SSI, AGR |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn) | GTGD (VNĐ tỷ, USDmn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------|------------------|------------------|--------------|------------------------------------|----------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|------|---------------|------|-------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 97,778 | 372,067 (16,170) | 219,094 (9.6) | 22.5 | 57.9 | 58.1 | 14.7 | 5.0 | 5.7 | 3.8 | 3.5 | -1.4 | -1.6 | 6.3 | -5.4 |
| | VHM | VINHOMES JSC | 79,385 | 339,478 (14,753) | 430,301 (18.9) | 26.6 | 9.8 | 9.1 | 35.9 | 32.9 | 27.1 | 2.8 | 2.1 | -1.1 | -1.3 | 0.5 | 13.2 |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 34,850 | 79,190 (3,442) | 139,511 (6.1) | 17.8 | 27.3 | 19.2 | -7.6 | 7.2 | 10.4 | 2.3 | 2.3 | -1.1 | -0.3 | 7.7 | -2.5 |
| | NVL | NO VA LAND INVES | 60,068 | 86,712 (3,768) | 222,989 (9.8) | 31.3 | 35.2 | 18.8 | 6.7 | 19.4 | 17.4 | 4.3 | 3.4 | -0.3 | -0.3 | -1.0 | 112.1 |
| | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 31,182 | 19,167 (833) | 112,010 (4.9) | 11.6 | 26.8 | 19.7 | 18.0 | 12.3 | 14.4 | 3.1 | 2.6 | 1.4 | 2.5 | 7.5 | 68.6 |
| | DXG | DAT XANH GROUP | 21,130 | 12,594 (547) | 105,286 (4.6) | 13.9 | 13.3 | 9.1 | - | 14.5 | 18.5 | 1.8 | 1.5 | 2.6 | 0.7 | 14.2 | 56.8 |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 102,000 | 378,305 (16,441) | 90,090 (4.0) | 6.3 | 17.7 | 13.9 | 11.7 | 19.7 | 20.1 | 3.0 | 2.4 | -1.1 | -2.8 | -4.1 | -4.0 |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 43,400 | 174,556 (7,586) | 51,421 (2.3) | 12.7 | 17.1 | 12.1 | -5.3 | 13.2 | 16.8 | 1.8 | 1.7 | -0.6 | -0.1 | -0.4 | -17.5 |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 38,900 | 136,341 (5,925) | 557,718 (24.5) | 0.0 | 11.1 | 9.3 | 14.3 | 20.4 | 20.0 | 2.0 | 1.7 | -0.6 | 0.8 | 5.0 | 67.9 |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 28,512 | 137,021 (5,955) | 276,199 (12.1) | 1.4 | 10.4 | 7.8 | 61.1 | 18.3 | 20.5 | 1.3 | 1.1 | -0.8 | -2.8 | -5.6 | 11.1 |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 22,944 | 101,381 (4,406) | 440,896 (19.4) | 0.0 | 13.1 | 11.1 | 18.8 | 18.5 | 16.6 | 2.2 | 1.8 | -2.0 | 1.6 | 1.0 | 108.0 |
| | MBB | MILITARY COMMERC | 19,407 | 73,327 (3,187) | 315,116 (13.8) | 0.0 | 8.7 | 7.1 | 14.6 | 22.1 | 22.3 | 1.6 | 1.3 | -1.1 | -2.1 | -0.4 | 65.3 |
| | HDB | HDBANK | 20,400 | 40,641 (1,766) | 54,759 (2.4) | 4.2 | 9.0 | 7.8 | 23.3 | 22.2 | 21.5 | 1.6 | - | -1.8 | -5.2 | -3.7 | 29.5 |
| | STB | SACOMBANK | 18,600 | 33,548 (1,458) | 336,368 (14.8) | 14.0 | 17.9 | 13.2 | 26.5 | 10.3 | 12.6 | 1.4 | 1.3 | -0.8 | -1.1 | -2.6 | 54.4 |
| | TPB | TIEN PHONG COMME | 27,850 | 28,732 (1,249) | 277,768 (12.2) | 0.0 | 10.2 | 8.6 | 37.5 | 22.6 | 20.3 | 2.0 | 1.6 | -0.9 | 3.3 | 9.3 | 63.1 |
| EIB | VIETNAM EXPORT-I | 18,500 | 22,745 (988) | 8,168 (0.4) | 0.2 | - | - | 27.3 | - | - | - | - | -0.9 | -1.7 | -6.3 | 20.5 | |
| Bảo hiểm | BVH | BAO VIET HOLDING | 61,900 | 45,950 (1,997) | 104,098 (4.6) | 21.0 | 25.3 | 24.3 | 15.8 | 8.7 | 8.6 | 2.1 | 2.0 | -0.8 | 0.2 | 7.7 | -9.1 |
| | BMI | BAOMINH INSURANC | 22,250 | 2,439 (106) | 38,200 (1.7) | 14.2 | 16.7 | 17.2 | 9.1 | 12.0 | 12.0 | 1.8 | 1.7 | -0.2 | 0.0 | 4.7 | 57.6 |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 21,998 | 19,947 (867) | 338,659 (14.9) | 55.4 | 15.2 | 13.6 | -3.2 | 17.3 | 17.7 | - | - | -1.5 | -3.2 | -5.7 | 81.6 |
| | VCI | VIET CAPITAL SEC | 27,500 | 9,108 (396) | 247,440 (10.9) | 71.9 | - | - | -4.0 | - | - | - | - | -0.6 | 2.6 | -0.3 | 118.2 |
| | HCM | HO CHI MINH CITY | 22,265 | 8,907 (387) | 197,948 (8.7) | 52.4 | - | - | -25.5 | - | - | - | - | -1.6 | -0.3 | -5.7 | 58.9 |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 17,211 | 5,734 (249) | 292,164 (12.8) | 27.2 | 11.6 | 19.6 | 36.3 | - | - | 3.9 | 3.5 | 0.0 | 3.3 | 0.2 | 182.3 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 109,000 | 227,805 (9,900) | 318,990 (14.0) | 42.1 | 18.7 | 17.3 | 4.0 | 32.8 | 34.1 | 5.7 | 5.5 | -1.0 | -1.0 | 0.3 | -18.1 |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 192,500 | 123,447 (5,365) | 20,206 (0.9) | 36.9 | 22.8 | 18.9 | 7.3 | 21.2 | 23.0 | 4.4 | 3.9 | -2.1 | -5.0 | -3.8 | -22.1 |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 95,100 | 111,712 (4,855) | 128,254 (5.6) | 16.5 | 48.9 | 28.5 | -51.9 | 17.5 | 22.8 | 8.5 | 6.6 | -2.0 | -1.3 | -2.3 | 57.7 |
| HNG | HOANG ANH GIA LA | 12,450 | 13,801 (600) | 47,236 (2.1) | 48.8 | - | - | - | - | - | - | - | 0.5 | -3.2 | -8.0 | -48.5 | |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 131,800 | 69,042 (3,001) | 112,453 (4.9) | 11.0 | - | 36.9 | -88.5 | 0.4 | 16.2 | - | - | -3.0 | -1.9 | 6.7 | 5.4 |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 33,100 | 9,976 (434) | 160,066 (7.0) | 10.8 | 29.2 | 20.2 | -57.0 | 9.3 | 12.6 | 2.5 | 2.3 | -1.0 | -2.1 | 0.6 | 53.7 |
| | CII | HO CHI MINH CITY | 22,600 | 5,398 (235) | 65,625 (2.9) | 38.4 | 36.0 | 11.4 | 65.7 | 3.1 | 8.4 | 1.1 | 1.1 | 0.3 | -2.0 | 11.2 | -9.8 |
| Công nghiệp (Tư bản) | ROS | FLC FAROS CONSTR | 3,670 | 2,083 (091) | 67,685 (3.0) | 46.4 | - | - | -92.4 | - | - | - | - | 3.3 | 1.4 | 6.2 | 123.7 |
| | GEX | GELEX GROUP JSC | 17,224 | 10,411 (452) | 118,873 (5.2) | 37.7 | - | - | -13.2 | 12.1 | 12.7 | - | - | 0.2 | -1.0 | 0.2 | 33.2 |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 73,200 | 5,438 (236) | 16,804 (0.7) | 3.6 | 34.9 | 16.9 | -52.4 | 1.8 | 3.7 | 0.6 | 0.6 | -0.6 | -1.4 | 1.6 | -11.7 |
| | REE | REE | 59,600 | 18,419 (800) | 55,343 (2.4) | 0.0 | 14.1 | 11.8 | -4.5 | 13.2 | 14.1 | 1.7 | 1.7 | 0.0 | 2.6 | 13.5 | 53.0 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm) | GTGD (VNDtriệu, USDm) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|----------------------------------|-----------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Tiện ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 90,100 | 172,447 (7,494) | 221,832 (9.7) | 46.1 | 23.6 | 19.4 | -17.5 | 18.4 | 20.9 | 4.3 | 3.9 | -2.0 | 0.8 | 27.2 | 29.6 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 22,850 | 6,578 (286) | 29,491 (1.3) | 31.4 | 17.3 | 12.9 | -10.5 | 11.1 | 13.6 | 1.6 | 1.7 | 0.9 | 5.0 | 8.9 | -5.5 |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 26,200 | 8,400 (365) | 11,448 (0.5) | 34.1 | 17.8 | 10.6 | -5.1 | 7.9 | 13.9 | 1.5 | 1.4 | 0.0 | -2.4 | -1.9 | -6.5 |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 32,481 | 145,287 (6,314) | 1,407,031 (61.8) | 18.0 | 8.2 | 8.3 | 21.9 | 40.2 | 29.4 | 2.7 | 2.0 | 0.5 | 0.7 | 12.6 | 86.3 |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 17,400 | 6,809 (286) | 288,429 (12.7) | 36.5 | 15.8 | 20.5 | -0.5 | 15.1 | 10.6 | 2.1 | 2.0 | 2.8 | 11.9 | 33.7 | 150.0 |
| | DCM | PETRO CA MAU FER | 13,650 | 7,226 (314) | 172,133 (7.6) | 46.5 | 22.5 | 21.3 | -4.5 | 13.3 | 13.6 | 2.7 | 2.5 | 0.9 | 5.3 | 36.8 | 141.4 |
| | HSG | HOA SEN GROUP | 22,636 | 11,063 (481) | 490,817 (21.6) | 38.9 | 5.8 | 8.0 | 67.9 | 47.7 | 26.8 | 2.3 | 1.7 | 0.4 | 2.0 | 5.8 | 145.3 |
| | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 12,864 | 3,138 (136) | 86,588 (3.8) | 97.2 | - | - | 17.2 | - | - | - | - | -0.6 | -3.9 | -0.9 | 21.5 |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 56,100 | 68,375 (2,972) | 89,441 (3.9) | 4.6 | 17.6 | 16.0 | -51.0 | 16.4 | 16.1 | - | - | -0.7 | -0.7 | 7.9 | -2.0 |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 23,400 | 9,854 (428) | 228,185 (10.0) | 39.9 | 1,408.1 | 30.7 | -11.9 | 0.0 | 2.8 | 0.8 | 0.8 | 3.5 | 7.7 | 23.0 | 64.8 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 17,900 | 5,793 (252) | 136,086 (6.0) | 35.9 | 11.5 | 10.5 | 1.2 | 14.7 | 13.8 | 1.6 | 1.4 | 0.8 | -3.0 | 1.0 | 75.7 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 93,000 | 65,024 (2,826) | 203,586 (8.9) | 0.0 | 18.9 | 14.6 | 13.7 | 24.7 | 27.4 | 4.2 | 3.6 | -1.7 | -4.9 | 2.6 | 60.2 |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 87,500 | 19,895 (865) | 58,063 (2.6) | 0.0 | 20.2 | 16.5 | 2.4 | 20.9 | 23.4 | 3.8 | 3.3 | -1.0 | -3.0 | 8.8 | 21.0 |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 40,300 | 1,261 (055) | 2,445 (0.1) | 70.6 | - | - | - | - | - | - | - | -0.7 | -0.3 | -0.7 | -66.9 |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 28,200 | 2,227 (097) | 75,068 (3.3) | 30.3 | 39.1 | 24.3 | -75.2 | 8.0 | 12.1 | 3.0 | 2.8 | 3.0 | 0.9 | 2.0 | 48.1 |
| Chăm sóc sức khỏe | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 61,900 | 8,387 (365) | 31,995 (1.4) | 34.6 | 18.6 | 10.4 | 41.2 | 13.8 | 26.3 | 2.3 | 2.4 | 4.1 | 7.7 | 13.4 | -7.1 |
| | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 100,300 | 13,114 (570) | 1,995 (0.1) | 45.4 | 17.6 | 16.6 | 10.7 | 19.9 | 20.3 | 3.4 | 3.0 | 0.5 | 0.2 | -1.8 | -4.6 |
| | PME | PYMEPHARCO JSC | 80,200 | 6,016 (261) | 043 (0.0) | 11.7 | - | - | 1.6 | - | - | - | - | 0.0 | 0.0 | 3.1 | 7.8 |
| IT | FPT | FPT CORP | 68,000 | 61,301 (2,664) | 197,999 (8.7) | 0.0 | 21.7 | 18.3 | 15.5 | 24.3 | 25.3 | 4.5 | 4.1 | -0.9 | -2.1 | 3.4 | 88.2 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.